

Số: 05/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. giữa:

- Nguyên đơn: anh Bùi Mạnh H, sinh năm 1975
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Bùi Văn T, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941 (là bố, mẹ đẻ của anh H)

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình)

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1 thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1 có hai con chung là Bùi Thị Thu H2, sinh ngày 09/11/1999 và Bùi Thị Thanh H3, sinh ngày 21/02/2009. Con Bùi Thị Thu H2 đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thanh H3, sinh ngày 21/02/2009. Chị H1 có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con H3 cho anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con H3 tính từ tháng 01/2026 cho đến khi con H3 đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về quan hệ tài sản*: anh Bùi Mạnh H, chị Nguyễn Thị H1 và ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N thống nhất như sau:

* Giao toàn bộ số tài sản chung của anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1 có tổng giá trị (đã được định giá) là **351.600.000 đồng** (Ba trăm năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Bùi Mạnh H có quyền sở hữu, gồm:

- 01 (một) ngôi nhà mái bằng 02 tầng, tường xây 20 bằng gạch đỏ (tầng 01 xây dựng năm 2000, trát lại năm 2020; tầng 02 xây dựng năm 2020) có tổng giá trị là 287.000.000 đồng

- 01 (một) nhà bếp mái bằng dựng cột, tường xây 10 bằng gạch đỏ, xây dựng năm 2015 có giá trị là 24.000.000 đồng

- 01 (một) nhà tắm mái bằng, tường xây 20 bằng gạch đỏ, xây dựng năm 2014 có giá trị là 5.500.000 đồng

- 01 (một) chuồng lợn, tường xây 10 bằng gạch xi, mái lợp broximăng, xây dựng năm 2016 có giá trị là 2.600.000 đồng

- Cổng (trụ cổng, cánh cổng bằng tuýp sắt), xây dựng năm 2015 có giá trị là: 5.000.000 đồng

- Tường trước nhà giáp đường giao thông, xây 10 bằng gạch đỏ, xây dựng năm 2015 có giá trị là: 2.000.000 đồng

- 01 (một) cánh cổng bếp bằng sắt hộp, làm năm 2015 có giá trị là: 500.000 đồng

- 01 (một) sập gụ dài 1,8m; rộng 2,2m , mua năm 2019 có giá trị là: 15.000.000 đồng

- 01 (một) xe Honda Airblade, mua năm 2014 có giá trị là: 4.500.000 đồng

- 01 (một) Ti vi Sam sung 49 inch, mua năm 2020 có giá trị là: 2.000.000 đồng

- 01 (một) Điều hòa Panasonic 9000 PTU, mua năm 2020 có giá trị là: 3.000.000 đồng

- 01 (một) Điều hòa Panasonic 9000 PTU, mua năm 2014 có giá trị là: 500.000 đồng.

* Toàn bộ công trình trên được xây dựng trên thửa đất số 95, bản đồ địa chính năm 2012 có diện tích 247,6m² đất ở và đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên. Anh H, chị H1 và ông T, bà N đều xác định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông T, bà N. Anh H, chị H1 và ông T, bà N đều không yêu cầu giải quyết phân chia thửa đất. Ông T, bà N nhất trí việc giao toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất cho anh H sở hữu. Anh H, chị H1 và ông T, bà N không phải thanh toán giá trị tài sản nào cho nhau. Giữa anh H và ông T, bà N tự giải quyết với nhau về việc công trình xây dựng trên thửa đất số 95, bản đồ địa chính năm 2012 có diện tích 247,6m² đất ở và đất trồng cây lâu năm.

3. Về thanh toán chênh lệch tài sản: anh H có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền là **175.800.000 đồng** (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 6.400.000 (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Anh H, chị H1 thỏa thuận mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng. Chị H1 đã nộp tạm ứng và thanh toán xong toàn bộ chi phí tố tụng nên anh H có trách nhiệm hoàn trả chị H1 số tiền chi phí tố tụng là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

5. Về án phí:

+ Anh Bùi Mạnh H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000729 ngày 08/5/2025 tại Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, Hưng Yên) thành tiền án phí.

+ Anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1, mỗi người phải nộp số tiền **4.395.000 đồng** (Bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài

sản.

Đổi trừ số tiền 18.705.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng) chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000738 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, Hưng Yên). Hoàn trả lại chị H1 số tiền là **14.310.000 đồng** (M bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng)

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- UBND xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Hùng